



Working Paper 2026.1.5.6

- Vol. 1, No. 5

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ CHI TIÊU CÔNG TRONG BỐI CẢNH BẢO ĐẢM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

Phạm Bùi Vi Thảo¹, Trần Ngọc Mai, Lư Uyển My

Sinh viên K62 Luật Kinh doanh quốc tế

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Nguyễn Ngọc Hà

Viện trưởng Viện Nghiên cứu sáng tạo

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt

Phát triển bền vững đang dần trở thành một định hướng nền tảng trong quá trình hoạch định và triển khai chính sách công ở nhiều quốc gia. Trong bối cảnh đó, chi tiêu công không chỉ đóng vai trò là công cụ phân bổ nguồn lực tài chính của Nhà nước mà còn là phương tiện quan trọng để thúc đẩy và hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững thông qua hệ thống thiết chế và quy định pháp lý phù hợp. Tuy nhiên, tại Việt Nam, khuôn khổ pháp luật điều chỉnh chi tiêu công hiện nay vẫn chủ yếu được xây dựng trên mô hình quản lý ngân sách truyền thống, với trọng tâm đặt vào việc bảo đảm kỷ luật tài khóa, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách và tăng cường tính minh bạch trong quản lý tài chính công. Trong khi đó, yêu cầu lồng ghép và bảo đảm các mục tiêu phát triển bền vững trong quá trình chi tiêu ngân sách vẫn chưa được thể chế hóa một cách đầy đủ và có hệ thống. Bài viết tập trung phân tích các yêu cầu pháp lý đặt ra đối với hoạt động chi tiêu công trong bối cảnh thúc đẩy phát triển bền vững, đồng thời làm rõ những nội dung trọng tâm cần được tích hợp vào khuôn khổ pháp luật điều chỉnh lĩnh vực

¹ Tác giả liên hệ, Email: phamvithao2608@gmail.com

này. Cụ thể, các nội dung được xem xét bao gồm nguyên tắc phát triển bền vững trong quản lý chi ngân sách nhà nước, cơ chế lồng ghép các mục tiêu môi trường và xã hội vào quy trình ngân sách, cũng như trách nhiệm pháp lý của Nhà nước trong việc định hướng và tổ chức chi tiêu công nhằm phục vụ lợi ích phát triển dài hạn. Trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm lập pháp quốc tế và vận dụng phương pháp nghiên cứu so sánh, bài viết chỉ ra những xu hướng đáng chú ý trong việc pháp lý hóa mục tiêu phát triển bền vững trong lĩnh vực chi tiêu công. Từ đó, bài viết đề xuất một số gợi ý nhằm hoàn thiện pháp luật về chi tiêu công ở Việt Nam theo hướng bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả và khả năng thực thi các mục tiêu phát triển bền vững trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: chi tiêu công, phát triển bền vững, pháp luật ngân sách, kinh nghiệm quốc tế, hoàn thiện pháp luật.

IMPROVING THE LEGAL FRAMEWORK ON PUBLIC EXPENDITURE IN THE CONTEXT OF ENSURING SUSTAINABLE DEVELOPMENT: INTERNATIONAL EXPERIENCE AND LESSONS FOR VIETNAM

Abstract

Sustainable development has increasingly been recognized as a fundamental guiding principle in the formulation and implementation of public policies across many countries. In this context, public expenditure is no longer merely a mechanism for allocating state financial resources but also a critical instrument for promoting and realizing sustainable development objectives through appropriate legal and institutional frameworks. However, in Vietnam, the current legal framework governing public expenditure remains largely grounded in the traditional model of budget management, which primarily emphasizes fiscal discipline, spending efficiency, and transparency in public financial management. Meanwhile, the requirement to systematically integrate and ensure sustainable development objectives within the public budgeting process has not yet been fully institutionalized. This article analyzes the legal requirements imposed on public expenditure in the context of advancing sustainable development, while clarifying the key elements that should be incorporated into the legal framework governing this field. These elements include the principle of sustainable development in public budget management, mechanisms for integrating environmental and social objectives into the budgeting process, and the legal responsibility of the State in directing public spending toward long-term development interests. Drawing upon international legislative experiences and employing a comparative research approach, the article identifies notable trends in the legal institutionalization of sustainable development objectives within the domain of public expenditure. Based on these findings, the article proposes several recommendations for improving Vietnam's legal

framework on public expenditure in order to ensure greater coherence, effectiveness, and enforceability of sustainable development goals in the current context.

Keywords: public expenditure, sustainable development, budget law, international experience, legal reform.

1. Đặt vấn đề

1.1. Bối cảnh phát triển bền vững và vai trò của chi tiêu công

Trong những thập kỷ gần đây, phát triển bền vững đã dần trở thành định hướng trọng tâm trong quá trình hoạch định chính sách của nhiều quốc gia. Trước những thách thức mang tính toàn cầu như biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên thiên nhiên, gia tăng bất bình đẳng xã hội và các cú sốc kinh tế - tài chính, mô hình tăng trưởng truyền thống dựa chủ yếu vào khai thác tài nguyên và mở rộng sản xuất đang bộc lộ nhiều hạn chế. Trong bối cảnh đó, các quốc gia ngày càng chú trọng xây dựng các chính sách phát triển theo hướng bảo đảm sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và công bằng xã hội, qua đó hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Một trong những công cụ quan trọng để thực hiện mục tiêu này chính là chi tiêu công. Thông qua việc phân bổ và sử dụng nguồn lực từ ngân sách nhà nước, Chính phủ có khả năng định hướng quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời đầu tư vào các lĩnh vực then chốt như cơ sở hạ tầng, giáo dục, y tế, khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường. Chi tiêu công không chỉ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà còn giữ vai trò điều tiết thị trường, khắc phục các thất bại thị trường và hỗ trợ quá trình chuyển đổi sang mô hình phát triển xanh và bền vững.

Trong bối cảnh nhiều quốc gia cam kết thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs) cũng như các thỏa thuận quốc tế liên quan đến biến đổi khí hậu, chi tiêu công ngày càng được nhìn nhận không chỉ như một công cụ tài khóa truyền thống mà còn là phương tiện quan trọng nhằm hiện thực hóa các mục tiêu phát triển dài hạn. Theo đó, nhiều quốc gia đã tiến hành cải cách hệ thống pháp luật và cơ chế quản lý tài chính công nhằm lồng ghép các tiêu chí môi trường và xã hội vào quy trình lập, phân bổ và giám sát ngân sách nhà nước. Các mô hình như ngân sách xanh, nguyên tắc tài khóa bền vững hay việc tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững vào quy trình ngân sách đang dần trở thành xu hướng trong quản trị tài chính công hiện đại.

Đối với Việt Nam, phát triển bền vững cũng được xác định là định hướng quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Trong những năm gần đây, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách và văn bản pháp luật liên quan đến quản lý ngân sách nhà nước, đầu tư công, bảo vệ môi trường và tăng trưởng xanh. Tuy nhiên, việc sử dụng chi tiêu công như một công cụ hiệu quả để thúc đẩy phát triển bền vững vẫn đặt ra nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện, đặc biệt trong việc tích hợp các tiêu chí môi trường và phát triển bền vững vào khuôn khổ pháp luật điều chỉnh chi tiêu công.

1.2. Khoảng trống nghiên cứu và hướng tiếp cận của bài viết

Trong thời gian qua, vấn đề quản lý tài chính công và chi tiêu công đã được nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đề cập dưới nhiều góc độ khác nhau, chẳng hạn như hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, kỷ luật tài khóa hoặc cải cách quản lý tài chính công. Đồng thời, các nghiên cứu liên quan đến phát triển bền vững cũng ngày càng được quan tâm, đặc biệt trong các lĩnh vực như tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn và chính sách môi trường.

Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu hiện nay chủ yếu tiếp cận vấn đề chi tiêu công từ góc độ kinh tế học hoặc quản lý tài chính công. Trong khi đó, việc phân tích chi tiêu công dưới góc độ pháp lý gắn với mục tiêu phát triển bền vững vẫn còn tương đối hạn chế. Đặc biệt, chưa có nhiều công trình nghiên cứu tiến hành phân tích một cách hệ thống các xu hướng lập pháp quốc tế trong việc tích hợp mục tiêu phát triển bền vững vào khuôn khổ pháp luật về chi tiêu công, cũng như rút ra những gợi mở có giá trị đối với quá trình hoàn thiện pháp luật tại Việt Nam.

1.3. Mục tiêu, phạm vi và phương pháp nghiên cứu

Bài viết hướng tới việc phân tích vai trò của pháp luật về chi tiêu công trong việc thúc đẩy phát triển bền vững, đồng thời nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia trong việc lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào khuôn khổ pháp lý về quản lý ngân sách. Trên cơ sở đó, bài viết tiến hành đánh giá thực trạng pháp luật về chi tiêu công tại Việt Nam và đề xuất một số gợi mở nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật trong thời gian tới.

Về phạm vi nghiên cứu, bài viết tập trung phân tích khuôn khổ pháp luật liên quan đến chi tiêu công trong bối cảnh phát triển bền vững, đặc biệt là các quy định liên quan đến quản lý ngân sách nhà nước, đầu tư công và các cơ chế tài chính hỗ trợ quá trình chuyển đổi xanh. Đồng thời, bài viết khảo sát kinh nghiệm của một số quốc gia tiêu biểu như Pháp, Đức và Hàn Quốc trong việc pháp lý hóa các nguyên tắc và công cụ quản lý chi tiêu công gắn với mục tiêu phát triển bền vững.

Về phương pháp nghiên cứu, bài viết sử dụng kết hợp nhiều phương pháp khác nhau, bao gồm phương pháp phân tích - tổng hợp, phương pháp so sánh pháp luật và phương pháp nghiên cứu tài liệu. Thông qua việc phân tích các quy định pháp luật cũng như thực tiễn áp dụng tại một số quốc gia, bài viết nhằm nhận diện các xu hướng lập pháp chủ yếu và rút ra những bài học có giá trị tham khảo cho quá trình hoàn thiện pháp luật về chi tiêu công tại Việt Nam.

2. Cơ sở lý luận về chi tiêu công trong bối cảnh phát triển bền vững

2.1. Khái quát chung về chi tiêu công và phát triển bền vững

2.1.1. Khái niệm và đặc điểm của chi tiêu công

Từ góc độ tài chính công, chi tiêu công là một bộ phận quan trọng của hoạt động quản lý ngân sách nhà nước, phản ánh quá trình Nhà nước sử dụng các nguồn lực tài chính thuộc khu vực công để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ quản lý xã hội. Nguồn chi này chủ yếu được hình thành từ ngân sách nhà nước cũng như các quỹ tài chính công, qua đó phục vụ việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

Trên phương diện pháp lý tại Việt Nam, khái niệm chi ngân sách nhà nước được xác định trong Luật Ngân sách nhà nước năm 2025. Theo đó, chi ngân sách nhà nước được hiểu là việc sử dụng ngân sách nhằm bảo đảm hoạt động của bộ máy nhà nước, thực hiện các nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ khác do pháp luật quy định. Trong phạm vi của khái niệm này, chi tiêu công bao gồm nhiều nhóm khoản chi khác nhau, chẳng hạn như chi dự trữ quốc gia, chi đầu tư phát triển, chi viện trợ, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi cũng như các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

Có thể thấy rằng chi tiêu công mang những đặc trưng riêng biệt so với các hoạt động chi tiêu trong khu vực tư nhân. Trước hết, đây là hoạt động gắn liền với quyền lực công và chịu sự điều chỉnh trực tiếp của các quy định pháp luật. Bên cạnh đó, mục tiêu của chi tiêu công hướng tới lợi ích chung của xã hội, do đó việc sử dụng ngân sách phải tuân thủ khuôn khổ ngân sách đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê chuẩn. Đồng thời, cơ cấu và định hướng chi tiêu còn phản ánh những ưu tiên chính sách của Nhà nước trong từng giai đoạn phát triển, qua đó có khả năng tác động đến cấu trúc nền kinh tế cũng như sự phân bổ nguồn lực trong xã hội.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và yêu cầu thúc đẩy phát triển bền vững, chi tiêu công ngày càng được nhìn nhận như một công cụ quan trọng để thực hiện các mục tiêu chính sách công. Không chỉ giới hạn ở vai trò điều hành tài khóa, chi tiêu công còn được sử dụng để định hướng thị trường, hỗ trợ đổi mới sáng tạo, thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang mô hình kinh tế xanh và củng cố hệ thống an sinh xã hội. Điều này cho thấy xu hướng quản lý tài chính công hiện nay đang từng bước chuyển từ cách tiếp cận chi tiêu ngắn hạn sang định hướng chiến lược dài hạn gắn với mục tiêu phát triển bền vững.

2.1.2. Khái niệm và các trụ cột của phát triển bền vững

Khái niệm phát triển bền vững được cộng đồng quốc tế thừa nhận rộng rãi sau khi được đề cập trong Báo cáo “Our Common Future” năm 1987 của Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển (Brundtland Commission). Theo quan điểm được nêu trong báo cáo này, phát triển bền vững là quá trình phát triển nhằm đáp ứng các nhu cầu của thế hệ hiện tại nhưng không làm ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai.

Trên phương diện lý luận, phát triển bền vững thường được tiếp cận thông qua ba trụ cột cơ bản, bao gồm môi trường, xã hội và quản trị, thường được thể hiện dưới mô hình ESG. Trong đó, yếu tố môi trường (Environmental) nhấn mạnh yêu cầu bảo vệ hệ sinh thái và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên; yếu tố xã hội (Social) đề cập đến các vấn đề liên quan đến phúc lợi, công bằng và chất lượng cuộc sống của con người; còn yếu tố quản trị (Governance) tập trung vào việc xây dựng các cơ chế quản lý minh bạch, có trách nhiệm và hiệu quả.

Mặc dù các chỉ số ESG không phải là các chỉ số tài chính truyền thống, song trong bối cảnh phát triển hiện nay chúng ngày càng được sử dụng rộng rãi như một công cụ đánh giá mức độ trách nhiệm của các tổ chức và doanh nghiệp đối với môi trường và xã hội. Việc triển khai các sáng kiến ESG góp phần định hướng hoạt động sản xuất - kinh doanh theo hướng bền vững hơn, đồng thời tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định và lâu dài của doanh nghiệp.

2.1.3. Vai trò của chi tiêu công đối với phát triển bền vững

Trong quá trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, chi tiêu công được xem là một trong những công cụ chính sách quan trọng của Nhà nước. Thông qua việc phân bổ nguồn lực ngân sách cho các lĩnh vực như giáo dục, y tế, hạ tầng xanh, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, Nhà nước có thể tạo lập những điều kiện nền tảng cho tăng trưởng kinh tế đồng thời bảo đảm tính ổn định và bền vững trong dài hạn.

Bên cạnh việc hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, chi tiêu công còn có vai trò định hướng các hoạt động của nền kinh tế theo mô hình tăng trưởng xanh. Điều này được thể hiện thông qua việc ưu tiên chi ngân sách cho các chương trình nghiên cứu và phát triển, đầu tư vào các ngành công nghiệp mới, xây dựng cơ sở hạ tầng sử dụng năng lượng sạch cũng như triển khai các chương trình bảo tồn hệ sinh thái và tài nguyên thiên nhiên. Thông qua những chính sách chi tiêu như vậy, Nhà nước có thể từng bước định hình quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh và hỗ trợ việc đạt được các mục tiêu phát triển bền vững trong dài hạn.

2.2. Khái quát về pháp luật chi tiêu công trong bối cảnh phát triển bền vững

2.2.1. Khái niệm về pháp luật chi tiêu công

Từ góc độ pháp lý, pháp luật chi tiêu công được hiểu là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh toàn bộ quá trình quản lý và sử dụng các khoản chi từ ngân sách nhà nước cũng như các quỹ tài chính công. Những quy phạm này bao quát các khâu cơ bản của hoạt động chi tiêu, bao gồm việc lập dự toán, phân bổ ngân sách, tổ chức thực hiện, kiểm soát chi và quyết toán ngân sách. Đồng thời, pháp luật chi tiêu công còn xác định rõ thẩm quyền của các cơ quan nhà nước có liên quan, cũng như quy định về trình tự, thủ tục và các tiêu chí sử dụng ngân sách nhằm bảo đảm tính hợp pháp, hiệu quả và minh bạch trong hoạt động quản lý tài chính công.

Tại Việt Nam, khuôn khổ pháp lý điều chỉnh chi tiêu công được xây dựng trên nền tảng của Hiến pháp và được cụ thể hóa thông qua các đạo luật quan trọng như Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và Luật Bảo vệ môi trường. Trong bối cảnh hướng tới phát triển bền vững, phạm vi điều chỉnh của pháp luật chi tiêu công không chỉ dừng lại ở các vấn đề kỹ thuật của quản lý ngân sách mà còn từng bước lồng ghép các tiêu chí liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị (ESG) vào quá trình phân bổ và sử dụng nguồn lực công.

2.2.2. Nội dung điều chỉnh của pháp luật chi tiêu công

Pháp luật chi tiêu công điều chỉnh nhiều nội dung cơ bản liên quan đến quá trình quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước. Trước hết là quy định về quy trình lập và phê chuẩn dự toán ngân sách, nhằm xác định cơ sở pháp lý cho việc phân bổ nguồn lực tài chính công. Tiếp theo là các quy định liên quan đến tiêu chí phân bổ ngân sách và thứ tự ưu tiên trong chi tiêu, qua đó bảo đảm việc sử dụng ngân sách phù hợp với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Bên cạnh đó, pháp luật chi tiêu công còn điều chỉnh cơ chế chấp hành và kiểm soát chi ngân sách, đồng thời thiết lập các hoạt động thanh tra, kiểm toán và xử lý vi phạm nhằm bảo đảm tính tuân thủ pháp luật trong quản lý tài chính công. Trong bối cảnh phát triển bền vững, phạm vi điều chỉnh của pháp luật chi tiêu công còn được mở rộng thông qua việc áp dụng các công cụ mới như ngân sách xanh, ngân sách giới (gender budgeting) cũng như cơ chế đánh giá tác động xã hội và môi trường của các chương trình chi tiêu công.

3. Kinh nghiệm quốc tế trong pháp lý hóa phát triển bền vững trong chi tiêu công

3.1. Mô hình ngân sách xanh tại Pháp

3.1.1. Thực trạng pháp luật

Tại Pháp, ngân sách xanh không chỉ dừng lại ở một sáng kiến chính sách mang tính khuyến nghị mà đã được luật hóa với tính chất bắt buộc trong hệ thống pháp luật tài chính công. Cơ sở pháp lý quan trọng của cơ chế này được xác lập trong Luật Tài chính năm 2020 (*Loi de finances pour 2020*). Theo quy định của đạo luật này, khi trình dự toán ngân sách hằng năm, Chính phủ phải kèm theo một báo cáo đánh giá tác động môi trường của toàn bộ các khoản chi ngân sách nhà nước. Báo cáo này thường được gọi là “ngân sách xanh” hay báo cáo về tác động môi trường của ngân sách nhà nước.

Quy định nói trên đã được tích hợp vào hệ thống pháp luật tài chính công của Pháp và được triển khai thông qua sự phối hợp giữa nhiều cơ quan nhà nước. Trong đó, Tổng cục Ngân sách (*Direction du Budget*) thuộc Bộ Kinh tế - Tài chính đóng vai trò điều phối chung, trong khi Tổng cục Năng lượng và Khí hậu (*Direction générale de l'énergie et du climat*) thuộc Bộ Chuyển đổi Sinh thái chịu trách nhiệm hỗ trợ về chuyên môn môi trường.

Một đặc điểm nổi bật của mô hình này là cơ chế phân loại chi tiêu dựa trên phương pháp luận chính thức do Chính phủ ban hành. Phương pháp này được xây dựng dựa trên sáu mục tiêu môi trường chủ yếu, bao gồm: giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên nước, phát triển kinh tế tuần hoàn, kiểm soát ô nhiễm và bảo tồn đa dạng sinh học. Theo đó, từng khoản chi ngân sách sẽ được phân loại thành ba nhóm: có tác động tích cực, trung tính hoặc tiêu cực đối với môi trường.

Việc phân loại này được áp dụng đồng bộ đối với toàn bộ ngân sách nhà nước, chứ không phụ thuộc vào đánh giá chủ quan của từng cơ quan. Nhờ vậy, hệ thống pháp luật của Pháp đã hình thành một chuẩn mực thống nhất trong việc đánh giá tác động môi trường của chi tiêu công. Đây cũng chính là điểm khác biệt đáng kể so với nhiều quốc gia khác, nơi tiêu chí “xanh” thường chỉ được thể hiện dưới dạng định hướng chính sách hoặc hướng dẫn hành chính. Từ góc độ pháp lý, việc quy định nghĩa vụ lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của ngân sách ngay trong Luật Tài chính cho thấy Pháp đã nâng tiêu chí môi trường từ một định hướng chính sách lên thành một nghĩa vụ pháp lý trong quy trình ngân sách nhà nước.

3.1.2. Thực trạng thực thi

Trong quá trình triển khai trên thực tế, kể từ dự toán ngân sách năm 2021, Chính phủ Pháp đã tiến hành rà soát và phân loại khoảng 574 tỷ euro chi tiêu ngân sách nhà nước theo các tiêu chí môi trường. Báo cáo ngân sách xanh được gửi kèm hồ sơ dự toán ngân sách trình Quốc hội, qua đó giúp cơ quan

lập pháp có cơ sở định lượng để đánh giá mức độ phù hợp giữa chính sách chi tiêu và mục tiêu chuyển đổi sinh thái. Điều này đồng thời cho thấy ngân sách xanh tại Pháp không chỉ là một công cụ quản lý tài chính công, mà còn là một cơ chế tăng cường giám sát của Quốc hội đối với tác động môi trường của chính sách ngân sách.

Việc thực thi cơ chế này thể hiện rõ tính liên ngành trong quản lý ngân sách. Tổng cục Ngân sách giữ vai trò điều phối về mặt kỹ thuật, trong khi các bộ, ngành phải tự đánh giá các chương trình chi thuộc phạm vi quản lý của mình theo phương pháp luận thống nhất đã được ban hành. Điều này không chỉ tạo ra trách nhiệm giải trình theo chiều dọc giữa Chính phủ và Quốc hội, mà còn hình thành áp lực giải trình theo chiều ngang giữa các cơ quan hành chính.

Một điểm đáng chú ý là báo cáo ngân sách xanh của Pháp không chỉ ghi nhận các khoản chi có tác động tích cực đối với môi trường, mà còn công khai cả những khoản chi gây tác động tiêu cực, chẳng hạn như một số hình thức hỗ trợ đối với nhiên liệu hóa thạch. Trong những trường hợp này, Chính phủ phải giải trình rõ lý do duy trì các khoản chi đó, qua đó tạo cơ sở cho lộ trình từng bước cắt giảm các chính sách trợ cấp không phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững.

Mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, việc triển khai ngân sách xanh tại Pháp vẫn đối mặt với một số thách thức nhất định. Chẳng hạn, trong một số lĩnh vực, phương pháp phân loại vẫn còn phụ thuộc vào đánh giá định tính; việc đo lường tác động môi trường trong dài hạn chưa thực sự đầy đủ; và cơ chế ngân sách xanh hiện chủ yếu áp dụng ở cấp ngân sách trung ương, chưa bao phủ toàn diện ngân sách của chính quyền địa phương. Tuy vậy, việc duy trì cơ chế báo cáo định kỳ hằng năm đã góp phần nâng cao tính minh bạch của ngân sách và từng bước tích hợp mục tiêu môi trường vào quy trình lập ngân sách.

3.1.3. Đánh giá và bài học cho Việt Nam

Kinh nghiệm của Pháp cho thấy rằng việc pháp lý hóa ngân sách xanh cần được đặt trực tiếp trong luật ngân sách, nhằm bảo đảm tính bắt buộc và gắn trách nhiệm giải trình của Chính phủ trước Quốc hội. Yếu tố cốt lõi của mô hình này không chỉ nằm ở kỹ thuật phân loại chi tiêu, mà còn ở việc thiết kế ngân sách xanh như một công cụ giám sát của cơ quan lập pháp.

Khi báo cáo đánh giá tác động môi trường trở thành tài liệu bắt buộc trong hồ sơ dự toán ngân sách, Quốc hội có thể xem xét không chỉ quy mô chi tiêu mà còn đánh giá chất lượng môi trường của các khoản chi đó. Điều này giúp mở rộng phạm vi giám sát ngân sách từ khía cạnh tài chính sang khía cạnh phát triển bền vững.

Đối với Việt Nam, một bài học quan trọng là cần nghiên cứu nội luật hóa các tiêu chí “xanh” trong Luật Ngân sách nhà nước hoặc các đạo luật sửa đổi liên quan, thay vì chỉ dừng lại ở các chiến lược hay chương trình hành động của Chính phủ. Trong khi đó, pháp luật ngân sách hiện hành của Việt Nam,

đặc biệt là Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, chưa đặt ra nghĩa vụ đánh giá tác động môi trường đối với các khoản chi ngân sách trong hồ sơ dự toán ngân sách trình Quốc hội. Đồng thời, cần xác định rõ cơ quan đầu mối điều phối - chẳng hạn như Bộ Tài chính - nhưng đồng thời phải thiết lập cơ chế phối hợp bắt buộc giữa các bộ, ngành để bảo đảm tính liên ngành tương tự mô hình của Pháp.

3.2. Nguyên tắc tài khóa bền vững tại Đức

3.2.1. Thực trạng pháp luật

Tại Đức, nguyên tắc tài khóa bền vững được thiết lập ở cấp hiến định trong Luật Cơ bản (Grundgesetz) thông qua việc sửa đổi các điều khoản về kỷ luật ngân sách vào năm 2009. Cụ thể, các quy định liên quan được bổ sung vào Điều 109 và Điều 115 của hiến pháp, hình thành cơ chế được gọi là “phanh nợ công” (Schuldenbremse).

Theo nguyên tắc này, ngân sách liên bang chỉ được phép duy trì mức thâm hụt cơ cấu tối đa 0,35% GDP mỗi năm, trong khi ngân sách của các bang về cơ bản không được vay nợ ròng trong điều kiện kinh tế bình thường. Việc vượt quá giới hạn này chỉ được chấp nhận trong các tình huống đặc biệt như suy thoái kinh tế nghiêm trọng hoặc khủng hoảng quốc gia, đồng thời phải đi kèm với kế hoạch phục hồi tài khóa sau đó.

Bên cạnh quy định hiến định, các chi tiết về cơ chế vận hành được cụ thể hóa trong luật ngân sách liên bang cũng như các hướng dẫn kỹ thuật do Bộ Tài chính ban hành. Việc giám sát tuân thủ nguyên tắc tài khóa được thực hiện bởi Hội đồng Ổn định (Stabilitätsrat) - một thiết chế phối hợp giữa liên bang và các bang nhằm theo dõi tình hình ngân sách, phát hiện sớm rủi ro tài khóa và đưa ra cảnh báo đối với các kế hoạch ngân sách thiếu bền vững.

Song song với khuôn khổ kỷ luật tài khóa này, pháp luật ngân sách của Đức trong những năm gần đây cũng gắn chặt với các mục tiêu chuyển đổi kinh tế theo hướng bền vững. Một công cụ đáng chú ý là Quỹ Khí hậu và Chuyển đổi (Climate and Transformation Fund - KTF). Đây là quỹ đặc biệt của liên bang được sử dụng để tài trợ cho các chương trình liên quan đến chuyển đổi năng lượng, công nghệ sạch, phát triển hạ tầng giao thông bền vững và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng.

Việc thiết lập các quỹ chuyên biệt như KTF phản ánh cách tiếp cận đặc trưng của Đức: thay vì tích hợp trực tiếp tiêu chí môi trường vào toàn bộ cấu trúc ngân sách như mô hình ngân sách xanh, pháp luật tài khóa của nước này kết hợp kỷ luật ngân sách nghiêm ngặt với các công cụ đầu tư chiến lược nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh. Cách tiếp cận này phản ánh một đặc điểm đáng chú ý của hệ thống pháp luật tài khóa Đức: nguyên tắc bền vững được bảo đảm thông qua kỷ luật ngân sách ở cấp hiến định, trong khi các mục tiêu chuyển đổi xanh được triển khai thông qua các công cụ tài chính và quỹ đầu tư chuyên biệt.

3.2.2. *Thực trạng thực thi*

Trong quá trình áp dụng nguyên tắc tài khóa bền vững, Đức từng đạt được kết quả đáng kể trong việc duy trì cân đối ngân sách, đặc biệt trong giai đoạn trước đại dịch COVID-19. Nhờ cơ chế “phanh nợ công”, ngân sách liên bang trong một số năm đã ghi nhận thặng dư, đồng thời mức nợ công được kiểm soát trong các ngưỡng an toàn dài hạn. Những kết quả này phần nào cho thấy hiệu quả của việc thiết lập kỷ luật tài khóa ở cấp hiến định, góp phần củng cố lòng tin của thị trường và xã hội đối với chính sách tài chính công của quốc gia.

Song song với các tranh luận về giới hạn ngân sách, việc triển khai các chương trình đầu tư phục vụ mục tiêu khí hậu và chuyển đổi năng lượng cũng trở thành một nội dung trọng tâm trong chính sách tài khóa của Đức. Nhiều khoản chi lớn liên quan đến phát triển năng lượng tái tạo, cải tạo nhà ở nhằm nâng cao hiệu quả năng lượng hoặc mở rộng hệ thống giao thông thân thiện với môi trường được tài trợ thông qua Climate and Transformation Fund (KTF). Điều này cho thấy chính sách chi tiêu công của Đức ngày càng gắn chặt với các mục tiêu phát triển bền vững, đặc biệt là mục tiêu trung hòa carbon và chuyển đổi năng lượng.

Tuy nhiên, việc vận hành cơ chế này cũng phát sinh một số vấn đề pháp lý đáng chú ý. Năm 2023, Federal Constitutional Court of Germany đã đưa ra phán quyết hạn chế việc chuyển nguồn vay nợ giữa các năm ngân sách để tài trợ cho quỹ khí hậu. Theo tòa án, cách thức này có thể vi phạm các nguyên tắc kỷ luật ngân sách được quy định trong hiến pháp. Phán quyết này cho thấy vai trò quan trọng của cơ chế kiểm soát hiến pháp trong việc bảo đảm rằng các chính sách tài khóa, kể cả những chính sách phục vụ mục tiêu khí hậu, vẫn phải tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc kỷ luật ngân sách đã được hiến định. Phán quyết này phản ánh rõ sự căng thẳng giữa hai yêu cầu: một mặt là duy trì kỷ luật tài khóa nghiêm ngặt theo nguyên tắc “phanh nợ”, mặt khác là đảm bảo nguồn lực tài chính đủ lớn cho các chương trình chuyển đổi xanh.

3.2.3. *Đánh giá và bài học cho Việt Nam*

Kinh nghiệm của Đức cho thấy việc thiết lập nguyên tắc tài khóa bền vững trong hệ thống pháp luật, đặc biệt ở cấp hiến định, có ý nghĩa quan trọng đối với việc bảo đảm ổn định tài chính công trong dài hạn. Việc quy định trần thâm hụt ngân sách, kết hợp với cơ chế giám sát tài khóa thông qua Stability Council Germany, đã góp phần tạo ra một khuôn khổ pháp lý đủ mạnh để duy trì kỷ luật ngân sách và hạn chế nguy cơ gia tăng nợ công.

Tuy nhiên, kinh nghiệm của Đức cũng cho thấy rằng việc duy trì kỷ luật tài khóa cần đi kèm với khả năng thích ứng trước những nhu cầu chi tiêu lớn của Nhà nước. Trường hợp xem xét miễn trừ một số khoản chi khỏi quy định “phanh nợ” nhằm phục vụ quốc phòng hoặc đầu tư cơ sở hạ tầng cho thấy

các nguyên tắc tài khóa bền vững nên được thiết kế cùng với những cơ chế ngoại lệ rõ ràng trong pháp luật và được áp dụng theo quy trình minh bạch.

Đối với Việt Nam, việc xây dựng nguyên tắc tài khóa bền vững trong Luật Ngân sách nhà nước hoặc các văn bản pháp luật liên quan có thể hướng tới việc thiết lập cơ chế giới hạn thâm hụt ngân sách dựa trên các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cụ thể. So với Đức, các quy định về kỷ luật tài khóa trong pháp luật Việt Nam hiện chủ yếu được thể hiện thông qua các chỉ tiêu về bội chi và nợ công trong luật ngân sách và luật quản lý nợ công, nhưng chưa được thiết kế dưới dạng một nguyên tắc hiến định về bền vững tài khóa. Đồng thời, pháp luật cũng cần quy định rõ điều kiện và thủ tục cho phép vượt giới hạn trong những trường hợp đặc biệt, kèm theo các kế hoạch phục hồi tài khóa nhằm bảo đảm tính ổn định lâu dài của ngân sách.

Bên cạnh đó, cần chú trọng phát triển các thiết chế giám sát tài khóa độc lập hoặc bán độc lập nhằm tăng cường tính minh bạch và hiệu quả thực thi chính sách ngân sách. Những cơ chế cảnh báo sớm về rủi ro tài khóa sẽ giúp nâng cao chất lượng quản lý tài chính công và hạn chế nguy cơ mất cân đối ngân sách trong dài hạn.

Ngoài ra, kinh nghiệm của Đức cũng gợi mở rằng kỷ luật tài khóa không nên được thiết kế theo hướng cứng nhắc tuyệt đối mà cần gắn với các mục tiêu phát triển dài hạn của nền kinh tế. Trong thực tế, Đức đã sử dụng nhiều công cụ tài chính khác nhau, chẳng hạn như các quỹ đầu tư đặc biệt, để hỗ trợ các chương trình chuyển đổi năng lượng và phát triển hạ tầng bền vững. Từ góc độ này, Việt Nam có thể cân nhắc thiết kế các cơ chế tài chính linh hoạt hơn, bao gồm việc thành lập các quỹ đầu tư chiến lược hoặc phân biệt rõ giữa chi thường xuyên và chi đầu tư dài hạn. Cách tiếp cận này có thể tạo điều kiện cho các khoản đầu tư xanh và quá trình chuyển đổi kinh tế, đồng thời vẫn bảo đảm kỷ luật ngân sách tổng thể.

3.3. Lồng ghép mục tiêu phát triển bền vững trong ngân sách tại Hàn Quốc

3.3.1. Thực trạng pháp luật

Tại Hàn Quốc, việc tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững vào hệ thống chính sách và ngân sách quốc gia chưa được thiết kế dưới dạng một đạo luật ngân sách chuyên biệt như mô hình của Pháp. Thay vào đó, các mục tiêu này được lồng ghép vào nhiều chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở cấp trung và dài hạn. Theo cách tiếp cận này, các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc được Chính phủ Hàn Quốc chuyển hóa thành những mục tiêu triển khai cụ thể tại cấp vùng và địa phương thông qua hệ thống quy hoạch chiến lược và các cơ chế pháp lý liên quan đến phát triển bền vững.

Trong khuôn khổ đó, Ministry of Environment of South Korea đã công bố bộ mục tiêu K-SDGs với tầm nhìn “một quốc gia bền vững cho tất cả mọi người”. Bộ mục tiêu này đóng vai trò định hướng

cho các địa phương trong việc xây dựng các mục tiêu phát triển bền vững cấp địa phương (L-SDGs), đồng thời cung cấp các hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình hoạch định chính sách.

Xét về khía cạnh pháp luật ngân sách, Hàn Quốc hiện có một số văn bản liên quan đến phát triển bền vững, tiêu biểu như Framework Act on Low Carbon, Green Growth. Tuy nhiên, việc gắn trực tiếp các mục tiêu SDGs với quy trình lập và phân bổ ngân sách nhà nước vẫn chưa được thiết lập như một nghĩa vụ pháp lý bắt buộc. Thay vào đó, các mục tiêu phát triển bền vững được lồng ghép gián tiếp thông qua hệ thống kế hoạch tài chính trung hạn và dài hạn, chẳng hạn các kế hoạch phát triển kinh tế năm năm (Five-Year Economic Development Plan - 5YEDP) cũng như các chương trình quy hoạch phát triển vùng.

Cơ chế này còn được hỗ trợ bởi sự ra đời của các hội đồng phát triển bền vững cấp địa phương, thường được gọi là Local Councils for Sustainable Development (LCSDs). Các thiết chế này có nhiệm vụ thúc đẩy sự phối hợp giữa chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội dân sự và khu vực phi chính phủ trong việc triển khai các mục tiêu SDGs ở cấp vùng.

3.3.2. Thực trạng thực thi

Trong thực tiễn, việc triển khai lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững tại Hàn Quốc chủ yếu được thực hiện thông qua sự phối hợp giữa chính quyền trung ương, chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội. Khác với một số quốc gia áp dụng cơ chế pháp lý ngân sách mang tính bắt buộc, mô hình của Hàn Quốc nhấn mạnh vai trò của các cơ chế hợp tác đa bên trong quá trình thực hiện SDGs.

Các LCSDs giữ vai trò trung tâm trong tiến trình này. Thông qua các hội đồng này, chính quyền địa phương, cộng đồng và các tổ chức phi chính phủ cùng tham gia xây dựng kế hoạch hành động phát triển bền vững ở cấp địa phương, đồng thời theo dõi và đánh giá tiến độ thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

Theo số liệu từ một số báo cáo nghiên cứu, trong tổng số 243 đơn vị chính quyền địa phương cấp tỉnh và thành phố của Hàn Quốc, đã có một bộ phận đáng kể hoàn thành việc xây dựng các mục tiêu L-SDGs và đưa chúng vào hệ thống giám sát. Một số địa phương tiêu biểu có thể kể đến như Seoul, Gwangju, Gyeonggi Province, Chungcheongbuk-do và Chungcheongnam-do. Điều này cho thấy mức độ chủ động nhất định của các địa phương trong việc tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững vào kế hoạch ngân sách và chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

Song song với đó, các mạng lưới hợp tác như Local Sustainability Alliance of Korea (LSAK) và Korean Local Governments Alliance for Sustainable Development (KLGASD) cũng được hình thành nhằm tăng cường năng lực và thúc đẩy sự phối hợp giữa các địa phương trong việc thực hiện SDGs. Những sáng kiến này phản ánh cách tiếp cận đa tầng trong quản trị phát triển bền vững tại Hàn Quốc.

3.3.3. Đánh giá và bài học cho Việt Nam

Trường hợp của Hàn Quốc cho thấy việc tích hợp mục tiêu phát triển bền vững vào ngân sách nhà nước không nhất thiết phải được thiết kế thông qua một công cụ pháp lý ngân sách riêng biệt. Thay vào đó, quá trình này có thể được thúc đẩy thông qua sự phối hợp giữa nhiều cấp chính quyền và sự tham gia của các tổ chức xã hội. Việc thành lập các hội đồng và mạng lưới phát triển bền vững ở cấp vùng là một điểm đáng chú ý của mô hình này, bởi chúng tạo ra không gian đối thoại và hợp tác giữa các chủ thể khác nhau trong việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu SDGs.

Tuy nhiên, kinh nghiệm của Hàn Quốc cũng cho thấy rằng nếu thiếu các cơ chế pháp lý mang tính ràng buộc, việc triển khai các mục tiêu phát triển bền vững có thể diễn ra không đồng đều giữa các địa phương. Vì vậy, đối với Việt Nam, một bài học quan trọng là cần thiết lập khuôn khổ pháp luật rõ ràng hơn nhằm định hướng và bảo đảm việc lồng ghép mục tiêu phát triển bền vững trong quy trình ngân sách, thay vì chỉ dựa vào các văn bản hướng dẫn hoặc khuyến nghị chính sách.

Một hướng tiếp cận có thể xem xét là quy định nghĩa vụ xây dựng các kế hoạch phát triển bền vững cấp vùng tương tự mô hình L-SDGs của Hàn Quốc, đồng thời thiết lập cơ chế giám sát và hỗ trợ từ cấp trung ương nhằm bảo đảm tính thống nhất trong thực hiện. Điều này không chỉ giúp tăng cường trách nhiệm của các địa phương mà còn góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp trong triển khai các mục tiêu phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, kinh nghiệm của Hàn Quốc cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thiết lập các cơ chế giám sát quốc gia đối với quá trình thực hiện SDGs. Việc gán trách nhiệm thực thi với phân bổ nguồn lực tài chính sẽ giúp hạn chế tình trạng chênh lệch trong mức độ cam kết giữa các địa phương. Đồng thời, Việt Nam cũng có thể tham khảo mô hình xây dựng các mạng lưới hợp tác giữa chính quyền địa phương, tương tự như LSAK và KLGASD, nhằm tăng cường năng lực và thúc đẩy chia sẻ kinh nghiệm trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững thông qua ngân sách và các chương trình phát triển.

4. Thực trạng pháp luật về chi tiêu công ở Việt Nam trước yêu cầu phát triển bền vững

4.1. Cơ hội và những thành tựu đạt được

Trong thời gian gần đây, Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể trong việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý điều chỉnh hoạt động chi tiêu công theo hướng nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách và từng bước gắn kết với các mục tiêu phát triển bền vững. Hệ thống pháp luật hiện hành điều chỉnh lĩnh vực này được xây dựng trên cơ sở nhiều đạo luật quan trọng, tiêu biểu như Luật Ngân sách nhà nước 2015, Luật Đầu tư

công 2019 và Luật Bảo vệ môi trường 2020, đồng thời được hỗ trợ bởi các chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Trước hết, pháp luật về ngân sách nhà nước đã tạo nền tảng pháp lý quan trọng cho việc phân bổ và sử dụng nguồn lực tài chính công nhằm phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường. Các quy định của Luật Ngân sách nhà nước 2015 đặt ra những nguyên tắc cơ bản trong quản lý ngân sách, trong đó nhấn mạnh yêu cầu sử dụng ngân sách một cách tiết kiệm, hiệu quả, đồng thời bảo đảm tính công khai và minh bạch trong toàn bộ quá trình quản lý. Bên cạnh đó, luật cũng xác lập mối liên hệ giữa thẩm quyền quản lý ngân sách với trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước. Những nguyên tắc này góp phần tạo cơ sở pháp lý để việc sử dụng ngân sách nhà nước hướng tới các mục tiêu phát triển dài hạn, trong đó có phát triển bền vững.

Ngoài ra, hệ thống pháp luật ngân sách cũng quy định rõ phạm vi nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, bao gồm chi đầu tư phát triển cho các chương trình và dự án đầu tư công. Quy định này cho phép chính quyền địa phương chủ động bố trí nguồn lực tài chính cho các dự án hạ tầng, các chương trình bảo vệ môi trường cũng như các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu. Nhờ đó, chi tiêu công có thể trở thành một công cụ hỗ trợ quá trình chuyển đổi sang mô hình phát triển bền vững ở cấp địa phương.

Song song với khuôn khổ pháp luật về ngân sách, pháp luật về đầu tư công cũng đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng sử dụng vốn nhà nước cho các dự án phục vụ mục tiêu phát triển bền vững. Theo quy định của Luật Đầu tư công 2019, phạm vi của đầu tư công bao gồm các chương trình và dự án phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, các hoạt động đầu tư phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập, cũng như các hình thức hỗ trợ đầu tư thông qua các công cụ tài chính của Nhà nước. Với phạm vi điều chỉnh rộng như vậy, Nhà nước có điều kiện bố trí nguồn vốn cho nhiều dự án có ý nghĩa đối với phát triển bền vững, chẳng hạn như các dự án năng lượng tái tạo, hệ thống giao thông thân thiện với môi trường, công trình xử lý chất thải hoặc các chương trình thích ứng với biến đổi khí hậu.

Bên cạnh đó, pháp luật về đầu tư công còn đặt ra yêu cầu việc lập kế hoạch và phân bổ vốn đầu tư phải phù hợp với các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển quốc gia. Quy định này tạo điều kiện để các mục tiêu bảo vệ môi trường và phát triển bền vững được tích hợp vào quá trình xây dựng kế hoạch đầu tư công. Trong bối cảnh Việt Nam đang thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng xanh và giảm phát thải, khuôn khổ pháp luật về đầu tư công vì vậy được xem là một công cụ quan trọng nhằm định hướng và huy động nguồn lực tài chính cho quá trình chuyển đổi này.

Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, Luật Bảo vệ môi trường 2020 đã thiết lập những cơ chế pháp lý nhằm huy động và sử dụng nguồn lực tài chính cho các hoạt động bảo vệ môi trường. Theo quy định của luật này, Nhà nước thực hiện đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư cho môi trường, đồng thời bố trí các

khoản chi riêng trong ngân sách nhà nước dành cho lĩnh vực bảo vệ môi trường và có xu hướng tăng dần theo từng giai đoạn. Điều này cho thấy chi tiêu công được xác định là một trong những nguồn lực quan trọng nhằm hỗ trợ các chương trình và dự án liên quan đến bảo vệ môi trường và chuyển đổi xanh.

Một điểm đáng chú ý trong hệ thống pháp luật hiện nay là việc bước đầu ghi nhận cơ chế mua sắm công theo hướng thân thiện với môi trường. Trong khu vực công, hoạt động mua sắm hàng hóa, dịch vụ và công trình từ ngân sách nhà nước chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng chi tiêu công. Vì vậy, nếu các hoạt động mua sắm này được định hướng theo tiêu chí môi trường thì có thể tạo ra tác động lan tỏa đáng kể đối với thị trường và hành vi sản xuất - tiêu dùng của xã hội. Theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, mua sắm xanh được hiểu là việc lựa chọn các sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường, được chứng nhận Nhân sinh thái Việt Nam hoặc được công nhận theo quy định của pháp luật. Đồng thời, pháp luật cũng đặt ra nguyên tắc ưu tiên thực hiện mua sắm xanh đối với các dự án và nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước. Điều này cho thấy Nhà nước đã bắt đầu sử dụng sức mua của khu vực công như một công cụ chính sách nhằm thúc đẩy thị trường sản phẩm thân thiện với môi trường.

Ngoài các yếu tố nội tại của hệ thống pháp luật, các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu và phát triển bền vững cũng tạo ra cơ hội quan trọng để Việt Nam thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh thông qua các công cụ chi tiêu công. Trong nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước đã thể hiện quyết tâm mạnh mẽ trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu và xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và thân thiện với môi trường. Việc tham gia các khuôn khổ hợp tác quốc tế về môi trường không chỉ thể hiện trách nhiệm của Việt Nam đối với cộng đồng quốc tế mà còn tạo động lực thúc đẩy việc hoàn thiện chính sách và pháp luật trong nước.

Việt Nam là quốc gia thành viên của Hiệp định Paris, theo đó các quốc gia cam kết thực hiện các biện pháp nhằm giảm phát thải khí nhà kính và tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Trong khuôn khổ hiệp định này, Việt Nam đã xây dựng các cam kết đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC), trong đó xác định các mục tiêu giảm phát thải và thúc đẩy phát triển bền vững. Việc thực hiện các mục tiêu này đòi hỏi phải huy động nguồn lực tài chính đáng kể, trong đó chi tiêu công đóng vai trò quan trọng đối với các lĩnh vực như phát triển năng lượng tái tạo, xây dựng hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu và ứng dụng công nghệ xanh.

Bên cạnh đó, tại United Nations Climate Change Conference 2021, Việt Nam đã tuyên bố mục tiêu đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Cam kết này đặt ra định hướng rõ ràng cho quá trình chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế theo hướng ít phát thải và bền vững hơn. Trong bối cảnh đó, việc sử dụng hiệu quả các công cụ chi tiêu công - bao gồm đầu tư công, chi ngân sách cho bảo vệ môi trường và mua sắm công xanh - trở thành một trong những yếu tố then chốt để thực hiện các mục tiêu khí hậu đã cam kết.

Ngoài ra, việc tham gia các cơ chế hợp tác quốc tế về môi trường cũng mở ra khả năng tiếp cận các nguồn tài chính quốc tế phục vụ quá trình chuyển đổi xanh, chẳng hạn như các quỹ khí hậu toàn cầu hoặc các chương trình hỗ trợ phát triển. Những nguồn lực này không chỉ góp phần bổ sung tài chính cho các hoạt động bảo vệ môi trường mà còn tạo điều kiện để Việt Nam từng bước cải thiện cơ chế quản lý và sử dụng chi tiêu công theo hướng minh bạch, hiệu quả và phù hợp với các chuẩn mực quốc tế.

4.2. Thách thức và những hạn chế

Mặc dù Việt Nam đã từng bước xây dựng hệ thống pháp luật điều chỉnh lĩnh vực tài chính công và bảo vệ môi trường, việc sử dụng chi tiêu công như một công cụ chính sách nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh trên thực tế vẫn còn gặp nhiều trở ngại. Những hạn chế này xuất phát từ cả khuôn khổ pháp lý hiện hành lẫn các điều kiện thực thi trong quản lý tài chính công.

Trước hết, việc tích hợp các mục tiêu môi trường vào hệ thống chi tiêu công vẫn chưa được thể chế hóa một cách đầy đủ trong pháp luật ngân sách. Theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước 2015, ngân sách nhà nước được sử dụng để bảo đảm thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ khác của Nhà nước. Tuy nhiên, các quy định của luật chủ yếu tập trung vào nguyên tắc quản lý ngân sách, cân đối thu - chi và phân cấp ngân sách, trong khi chưa thiết lập một cơ chế rõ ràng nhằm phân loại, theo dõi hoặc đánh giá các khoản chi ngân sách dựa trên tiêu chí môi trường. Việc thiếu một hệ thống “ngân sách xanh” (green budgeting) khiến cho các khoản chi liên quan đến bảo vệ môi trường hoặc giảm phát thải khí nhà kính chưa được nhận diện và quản lý một cách hệ thống. Hệ quả là ngân sách nhà nước chưa phát huy đầy đủ vai trò như một công cụ định hướng quá trình chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng xanh.

Bên cạnh đó, các tiêu chí môi trường cũng chưa được tích hợp một cách rõ ràng trong cơ chế lựa chọn và thẩm định các dự án đầu tư công. Theo quy định của Luật Đầu tư công 2019, việc quyết định chủ trương đầu tư và lựa chọn dự án chủ yếu dựa trên các yếu tố như hiệu quả kinh tế - xã hội, sự phù hợp với quy hoạch phát triển và khả năng cân đối nguồn vốn. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa đưa ra các tiêu chí cụ thể nhằm đánh giá mức độ đóng góp của dự án đối với mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu hoặc phát triển cơ sở hạ tầng xanh. Do thiếu những tiêu chí đánh giá mang tính bắt buộc này, trong thực tiễn quá trình lựa chọn dự án đầu tư công có thể ưu tiên các lợi ích kinh tế ngắn hạn, trong khi những lợi ích môi trường dài hạn chưa được xem xét đầy đủ. Điều này làm giảm hiệu quả của đầu tư công như một công cụ hỗ trợ chuyển đổi xanh.

Một hạn chế khác liên quan đến việc triển khai cơ chế mua sắm công thân thiện với môi trường. Mặc dù Luật Bảo vệ môi trường 2020 đã bước đầu ghi nhận nguyên tắc mua sắm xanh và khuyến khích ưu tiên sử dụng các sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường trong các hoạt động sử dụng ngân sách nhà nước, nhưng việc triển khai trên thực tế vẫn còn nhiều khó khăn. Các quy định hiện hành chưa được

cụ thể hóa đầy đủ thông qua hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật, danh mục sản phẩm xanh hoặc cơ chế kiểm soát quá trình thực hiện trong hoạt động mua sắm công. Đồng thời, năng lực chuyên môn cũng như nhận thức của nhiều cơ quan thực hiện mua sắm công đối với các tiêu chí môi trường vẫn còn hạn chế. Vì vậy, các yêu cầu về bảo vệ môi trường chưa được áp dụng một cách phổ biến trong quá trình mua sắm hàng hóa và dịch vụ bằng ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, nguồn lực tài chính công dành cho quá trình chuyển đổi xanh vẫn còn hạn chế so với nhu cầu thực tế. Việc chuyển đổi sang mô hình phát triển bền vững đòi hỏi nguồn vốn đầu tư lớn cho nhiều lĩnh vực như năng lượng tái tạo, hạ tầng giao thông bền vững, quản lý chất thải và các chương trình thích ứng với biến đổi khí hậu. Trong khi đó, ngân sách nhà nước của Việt Nam phải đáp ứng đồng thời nhiều nhu cầu chi tiêu khác nhau, đặc biệt là các khoản chi thường xuyên và chi cho an sinh xã hội. Trong bối cảnh đó, việc dành một nguồn lực tài chính công đủ lớn và ổn định cho các mục tiêu chuyển đổi xanh vẫn là một thách thức đáng kể đối với hệ thống tài chính công.

Từ những phân tích trên có thể thấy rằng, mặc dù Việt Nam đã bước đầu xây dựng nền tảng pháp lý nhằm hỗ trợ việc sử dụng chi tiêu công cho mục tiêu bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, nhưng hệ thống pháp luật hiện hành vẫn thiếu các cơ chế cụ thể để tích hợp tiêu chí môi trường vào toàn bộ chu trình ngân sách, từ khâu lập dự toán, phân bổ cho đến thực hiện và giám sát chi tiêu. Điều này cho thấy nhu cầu tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp luật và chính sách tài chính công nhằm nâng cao vai trò của chi tiêu công trong việc thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh của nền kinh tế Việt Nam.

5. Định hướng hoàn thiện pháp luật về chi tiêu công theo hướng phát triển bền vững

5.1. Bổ sung nguyên tắc phát triển bền vững trong pháp luật ngân sách nhà nước

Để tăng cường vai trò của chi tiêu công trong việc hỗ trợ quá trình chuyển đổi sang mô hình phát triển xanh, một yêu cầu quan trọng đặt ra là phải tích hợp rõ ràng mục tiêu phát triển bền vững vào khuôn khổ pháp luật điều chỉnh hoạt động quản lý ngân sách nhà nước. Hiện nay, Luật Ngân sách nhà nước 2015 đã xác định các nguyên tắc cơ bản của quản lý ngân sách, bao gồm yêu cầu về công khai, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả trong việc sử dụng nguồn lực tài chính công. Tuy nhiên, các quy định này vẫn chưa đặt ra nghĩa vụ cụ thể đối với việc lồng ghép các mục tiêu bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu trong toàn bộ chu trình ngân sách.

Trên thực tế, việc thiếu vắng một nguyên tắc pháp lý rõ ràng về phát triển bền vững trong quản lý ngân sách khiến nhiều quyết định phân bổ nguồn lực tài chính công vẫn chủ yếu dựa trên các tiêu chí kinh tế - xã hội ngắn hạn. Trong khi đó, các tác động môi trường dài hạn hoặc các chi phí liên quan đến biến đổi khí hậu chưa được xem xét đầy đủ trong quá trình lập và phân bổ ngân sách.

Để khắc phục hạn chế này, cần xem xét sửa đổi pháp luật ngân sách theo hướng bổ sung nguyên tắc quản lý ngân sách gắn với mục tiêu phát triển bền vững. Theo đó, pháp luật có thể quy định rằng việc quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước phải phù hợp với các mục tiêu bảo vệ môi trường, giảm phát thải khí nhà kính và tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Đồng thời, đối với các chương trình chi tiêu quy mô lớn hoặc các dự án đầu tư công có khả năng gây tác động đáng kể đến môi trường, cần thiết lập yêu cầu đánh giá tác động môi trường ngay trong quá trình xây dựng và phê duyệt ngân sách.

Việc bổ sung các quy định này sẽ tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan quản lý tài chính công chủ động tích hợp các mục tiêu môi trường vào quá trình phân bổ nguồn lực. Qua đó, chính sách tài khóa của Nhà nước có thể được điều chỉnh theo hướng đồng bộ hơn với các chiến lược phát triển bền vững và các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu mà Việt Nam đã tham gia.

5.2. Thiết lập cơ chế ngân sách xanh trong hệ thống quản lý tài chính công

Một trong những hạn chế đáng chú ý của hệ thống quản lý chi tiêu công tại Việt Nam hiện nay là sự thiếu hụt các công cụ kỹ thuật cho phép nhận diện và theo dõi các khoản chi ngân sách liên quan đến mục tiêu bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Trong bối cảnh nhiều quốc gia đã triển khai cơ chế “ngân sách xanh” như một công cụ quản trị tài khóa hiện đại, việc xây dựng mô hình tương tự tại Việt Nam được xem là cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách phục vụ quá trình chuyển đổi xanh của nền kinh tế.

Trước hết, cần xây dựng một hệ thống phân loại chi tiêu ngân sách dựa trên các tiêu chí môi trường. Hệ thống phân loại này có thể được tích hợp vào mục lục ngân sách nhà nước, qua đó cho phép xác định và thống kê các khoản chi có tác động tích cực đối với môi trường. Chẳng hạn, các khoản chi dành cho giảm phát thải khí nhà kính, phát triển năng lượng tái tạo, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên hoặc thích ứng với biến đổi khí hậu có thể được xác định và theo dõi một cách riêng biệt trong hệ thống ngân sách. Trên cơ sở đó, các cơ quan quản lý tài chính công có thể đánh giá tỷ trọng chi tiêu dành cho các mục tiêu môi trường trong tổng chi ngân sách nhà nước.

Bên cạnh hệ thống phân loại chi tiêu, việc áp dụng cơ chế gắn nhãn môi trường đối với các chương trình và dự án sử dụng ngân sách nhà nước cũng là một giải pháp cần được xem xét. Cơ chế này cho phép phân loại các khoản chi tiêu công theo mức độ đóng góp của chúng đối với các mục tiêu phát triển bền vững, từ đó hỗ trợ quá trình hoạch định và điều chỉnh chính sách tài khóa.

Ngoài ra, Chính phủ có thể xây dựng và công bố báo cáo ngân sách xanh hằng năm nhằm cung cấp thông tin minh bạch về mức độ đóng góp của chi tiêu công đối với các mục tiêu môi trường và khí hậu. Báo cáo này nên được trình cùng với báo cáo ngân sách nhà nước trước Quốc hội, qua đó tạo điều kiện để cơ quan lập pháp tăng cường hoạt động giám sát tài khóa gắn với các mục tiêu phát triển bền vững.

Việc thiết lập cơ chế ngân sách xanh không chỉ giúp nâng cao tính minh bạch trong quản lý ngân sách mà còn góp phần định hướng việc sử dụng nguồn lực tài chính công theo hướng phù hợp với chiến lược chuyển đổi xanh của quốc gia.

5.3. Hoàn thiện pháp luật về đầu tư công theo hướng tích hợp tiêu chí môi trường

Trong cơ cấu chi tiêu công, đầu tư công giữ vị trí then chốt bởi đây là công cụ quan trọng để Nhà nước định hướng sự phát triển của nền kinh tế thông qua việc xây dựng kết cấu hạ tầng và hỗ trợ các lĩnh vực ưu tiên. Tuy nhiên, khuôn khổ pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư công ở Việt Nam hiện nay vẫn chủ yếu đặt trọng tâm vào các tiêu chí hiệu quả kinh tế - xã hội, trong khi các yếu tố liên quan đến môi trường và biến đổi khí hậu chưa được quy định một cách đầy đủ. Theo quy định của Luật Đầu tư công 2019, quá trình lựa chọn và thẩm định các dự án đầu tư công chưa yêu cầu đánh giá một cách có hệ thống về mức độ đóng góp của dự án đối với mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính hoặc khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

Trước thực trạng đó, cần thiết phải bổ sung các quy định pháp lý yêu cầu tích hợp tiêu chí môi trường trong toàn bộ quá trình thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư công. Cụ thể, các báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án nên bao gồm nội dung đánh giá các yếu tố như lượng phát thải khí nhà kính dự kiến, hiệu quả sử dụng năng lượng, tác động đến tài nguyên thiên nhiên cũng như mức độ thích ứng với các rủi ro khí hậu. Việc đưa các nội dung này trở thành một phần của quy trình thẩm định sẽ góp phần bảo đảm rằng các dự án đầu tư công không chỉ đáp ứng yêu cầu về hiệu quả kinh tế mà còn phù hợp với định hướng phát triển bền vững.

Bên cạnh việc hoàn thiện các tiêu chí đánh giá dự án, cơ chế phân bổ vốn đầu tư công cũng cần được điều chỉnh theo hướng ưu tiên các lĩnh vực phục vụ quá trình chuyển đổi xanh. Trong khuôn khổ kế hoạch đầu tư công trung hạn, các lĩnh vực như phát triển năng lượng tái tạo, giao thông công cộng bền vững, hạ tầng phòng chống ngập lụt hoặc các công nghệ môi trường cần được xác định là những lĩnh vực ưu tiên. Cách tiếp cận này sẽ góp phần định hướng dòng vốn đầu tư công vào các dự án có khả năng tạo ra lợi ích lâu dài cho môi trường cũng như cấu trúc phát triển của nền kinh tế.

5.4. Hoàn thiện khung pháp lý về mua sắm công xanh

Ngoài đầu tư công, hoạt động mua sắm công cũng chiếm một tỷ trọng đáng kể trong tổng chi ngân sách nhà nước và có khả năng tác động mạnh đến thị trường hàng hóa và dịch vụ. Pháp luật Việt Nam đã bước đầu ghi nhận định hướng thúc đẩy mua sắm công thân thiện với môi trường trong Luật Bảo vệ môi trường 2020, trong đó khuyến khích các cơ quan nhà nước ưu tiên lựa chọn các sản phẩm và dịch vụ có lợi cho môi trường. Tuy nhiên, các quy định hiện hành phần lớn mới dừng lại ở mức định hướng chính sách và chưa được cụ thể hóa đầy đủ trong hệ thống pháp luật về đấu thầu và mua sắm công.

Để nâng cao hiệu quả của cơ chế mua sắm công xanh, cần xây dựng bộ tiêu chí môi trường cụ thể áp dụng trong quá trình lựa chọn nhà thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu. Các tiêu chí này có thể bao gồm mức tiêu thụ năng lượng của sản phẩm, khả năng tái chế, lượng phát thải phát sinh trong quá trình sản xuất hoặc toàn bộ vòng đời của sản phẩm. Đồng thời, Chính phủ cũng cần ban hành danh mục các sản phẩm và dịch vụ xanh được ưu tiên trong hoạt động mua sắm công, gắn với hệ thống nhãn sinh thái quốc gia.

Việc cụ thể hóa các tiêu chí môi trường trong hoạt động mua sắm công sẽ giúp các cơ quan nhà nước có cơ sở rõ ràng để áp dụng nguyên tắc mua sắm xanh trong thực tiễn. Đồng thời, cách tiếp cận này cũng có thể tạo ra tín hiệu thị trường tích cực, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường và thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh của nền kinh tế.

5.5. Tăng cường cơ chế minh bạch và giám sát chi tiêu công theo tiêu chí môi trường

Việc hoàn thiện pháp luật về chi tiêu công theo định hướng phát triển bền vững chỉ có thể đạt hiệu quả khi đi kèm với các cơ chế minh bạch và giám sát tài khóa phù hợp. Trong bối cảnh các mục tiêu phát triển bền vững ngày càng trở thành một ưu tiên trong chính sách quốc gia, hệ thống giám sát tài chính công cũng cần được mở rộng theo hướng không chỉ đánh giá hiệu quả kinh tế của các khoản chi ngân sách mà còn xem xét tác động môi trường của chúng.

Trong quá trình này, vai trò của Kiểm toán Nhà nước Việt Nam cần được tăng cường thông qua việc mở rộng phạm vi kiểm toán môi trường đối với các chương trình và dự án chi tiêu công quy mô lớn, đặc biệt trong các lĩnh vực như hạ tầng, năng lượng và quản lý tài nguyên thiên nhiên. Song song với đó, Quốc hội Việt Nam cũng cần đẩy mạnh hoạt động giám sát đối với việc thực hiện các chính sách tài khóa liên quan đến môi trường, chẳng hạn thông qua việc yêu cầu Chính phủ báo cáo định kỳ về tình hình chi tiêu phục vụ mục tiêu chuyển đổi xanh.

Ngoài ra, việc công khai các dữ liệu ngân sách liên quan đến môi trường cũng cần được thúc đẩy nhằm tạo điều kiện cho sự tham gia của xã hội trong giám sát chi tiêu công. Mức độ minh bạch cao hơn trong quản lý ngân sách không chỉ góp phần tăng cường trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước mà còn tạo động lực để nguồn lực tài chính công được sử dụng một cách hiệu quả và bền vững hơn.

6. Kết luận

Trong bối cảnh các quốc gia ngày càng chú trọng phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu, chi tiêu công trở thành công cụ chính sách quan trọng giúp định hướng quá trình chuyển đổi sang mô hình phát triển xanh. Thông qua việc phân bổ ngân sách nhà nước, Chính phủ có thể thúc đẩy đầu

tu vào các lĩnh vực thân thiện với môi trường và hạn chế các hoạt động gây tác động tiêu cực đến tài nguyên và hệ sinh thái. Vì vậy, việc hoàn thiện pháp luật về chi tiêu công theo hướng gắn với mục tiêu phát triển bền vững đang trở thành xu hướng trong quản trị tài chính công.

Kinh nghiệm của nhiều quốc gia cho thấy các mục tiêu môi trường và khí hậu đã được lồng ghép vào hệ thống quản lý ngân sách và đầu tư công thông qua các công cụ như ngân sách xanh, tiêu chí môi trường trong thẩm định dự án đầu tư công và cơ chế mua sắm công xanh. Những cải cách này góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực công, đồng thời tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản lý tài chính công.

Tại Việt Nam, hệ thống pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và quản lý chi tiêu công đã bước đầu đề cập đến các định hướng liên quan đến bảo vệ môi trường và tăng trưởng xanh. Tuy nhiên, các quy định vẫn còn phân tán và chưa hình thành một khuôn khổ pháp lý thống nhất để lồng ghép mục tiêu phát triển bền vững trong toàn bộ chu trình ngân sách.

Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số định hướng hoàn thiện pháp luật như: bổ sung nguyên tắc phát triển bền vững trong pháp luật ngân sách nhà nước, xây dựng cơ chế ngân sách xanh, tích hợp tiêu chí môi trường trong pháp luật đầu tư công, hoàn thiện khung pháp lý về mua sắm công xanh và tăng cường cơ chế minh bạch, giám sát chi tiêu công theo tiêu chí môi trường. Trong dài hạn, việc hoàn thiện pháp luật về chi tiêu công theo hướng hỗ trợ phát triển bền vững sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tài chính công, đồng thời tạo nền tảng cho quá trình chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng xanh và kinh tế carbon thấp tại Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Báo Điện tử Chính phủ. “Cam kết mạnh mẽ, nhất quán của Việt Nam trong ứng phó biến đổi khí hậu.” 2022. Truy cập tại: <https://baochinhphu.vn/cam-ket-manh-me-nhat-quan-cua-viet-nam-trong-ung-pho-bien-doi-khi-hau-102230621125600906.htm>.

Bundesministerium der Finanzen. *Climate and Transformation Fund (KTF)*. Federal Ministry of Finance Germany. Truy cập tại: <https://www.iea.org/policies/28762-climate-and-transition-fund-ktf>.

Bundesministerium der Finanzen. *Die Schuldenbremse des Bundes*. Truy cập tại: <https://www.bundesfinanzministerium.de>.

Bundesrepublik Deutschland. *Grundgesetz für die Bundesrepublik Deutschland*, Art. 109, 115. Truy cập tại: <https://www.gesetze-im-internet.de/gg>.

Conguet, F., C. Wendling, and B. Battersby. *Climate-Sensitive Management of Public Finances (“Green PFM”)*. International Monetary Fund, 2021.

Đức Việt. “Chi tiêu công thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.” *Thời báo Tài chính Việt Nam*, 2025. Truy cập tại: <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/chi-tieu-cong-thuc-day-tang-truong-kinh-te-ben-vung-184308-184308.html>.

Dương An. “Chi tiêu cho cơ sở hạ tầng của Việt Nam đứng đầu ASEAN.” *Thời báo Tài chính Việt Nam*, August 17, 2022. Truy cập tại: <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/chi-tieu-cho-co-so-ha-tang-cua-viet-nam-dung-dau-asean-110988.html>.

ESG Pro Ltd. “The Role of ESG in Sustainable Development.” Truy cập tại: <https://esgpro.co.uk/blog/the-role-of-esg-in-sustainable-development/>.

Federal Constitutional Court of Germany. *Judgment of 15 November 2023 on the Second Supplementary Budget Act 2021 (2 BvF 1/22)*. Truy cập tại: <https://www.bundesverfassungsgericht.de>.

Gouvernement de la République française. *Projet de loi de finances – Documents budgétaires annexes*. 2022. Truy cập tại: <https://www.economie.gouv.fr/budget-vert-france-1er-pays-monde-mesurer-impact-budget-etat-environnement>.

Government of the Republic of Korea. *Framework Act on Low Carbon, Green Growth*. 2010. Truy cập tại: https://elaw.klri.re.kr/eng_mobile/viewer.do?hseq=49999&type=part&key=39.

Government of the Republic of Korea. *Framework Act on Sustainable Development*. Amended 2022. Truy cập tại: https://elaw.klri.re.kr/eng_mobile/viewer.do?hseq=61294&type=part&key=4.

Hồ Ngọc Tú, và Đào Thị Lành. “Chi ngân sách nhà nước cho tăng trưởng xanh tại các quốc gia trên thế giới.” *Tạp chí Ngân hàng*, ngày 9 tháng 4 năm 2023. Truy cập tại:

<https://tapchinganhang.gov.vn/chi-ngan-sach-nha-nuoc-cho-tang-truong-xanh-tai-cac-quoc-gia-tren-the-gioi-11735.html>.

INTOSAI Development Initiative. *Auditing Sustainable Development Goals*. 2020. Truy cập tại: <https://www.idi.no>.

Ministère de l'Économie, des Finances et de la Relance. *Rapport sur l'impact environnemental du budget de l'État – PLF 2021*. 2021. Truy cập tại: <https://www.economie.gouv.fr/files/PLF2021.pdf>.

Ministère de l'Économie, des Finances et de la Relance. *Rapport sur l'impact environnemental du budget de l'État*. 2021. Truy cập tại: <https://www.ecologie.gouv.fr/sites/default/files>.

OECD. *Green Budgeting Framework: Concepts and Practices*. Paris: OECD Publishing, 2020.

OECD. *Green Budgeting in OECD Countries*. Paris: OECD Publishing, 2020. Truy cập tại: https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2021/08/green-budgeting-in-oecd-countries_01618d8b/acf5d047-en.pdf.

Quốc hội. *Luật Bảo vệ môi trường*. Luật số 72/2020/QH14, ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2020.

Quốc hội. *Luật Đầu tư công*. Luật số 39/2019/QH14, ban hành ngày 13 tháng 6 năm 2019.

Quốc hội. *Luật Ngân sách nhà nước*. Luật số 11/2025/QH15.

République Française. *Loi n° 2019-1479 du 28 décembre 2019 de finances pour 2020*. Journal officiel de la République française, 28 December 2019. Truy cập tại: <https://www.legifrance.gouv.fr>.

Safdie, S. “What Are the Three Pillars of Sustainable Development?” Greenly, July 3, 2024. Truy cập tại: <https://greenly.earth/en-gb/blog/company-guide/3-pillars-of-sustainable-development>.

Thành Hằng. “Tăng hiệu quả chi tiêu công cho tài khóa bền vững.” *Tạp chí Kinh tế Tài chính*, October 18, 2025. Truy cập tại: <https://tapchikinhteTaichinh.vn/bai-4-tang-hieu-qua-chi-tieu-cong-cho-tai-khoa-ben-vung-69177.html>.

Thủ tướng Chính phủ. *Quyết định số 896/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đến năm 2050*.

United Nations Development Programme (UNDP). *Voluntary National Review of the Republic of Korea on the Implementation of the 2030 Agenda*.

World Bank. *Green Public Financial Management*. Washington, DC: World Bank Group, 2021.

World Commission on Environment and Development. *Our Common Future*. Oxford: Oxford University Press / United Nations, 1987.

Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI. “Phát triển bền vững ở Hàn Quốc: Bài học cho Việt Nam.” 2023. Truy cập tại: <https://irsd.org.vn/phat-trien-ben-vung/phat-trien-ben-vung-o-han-quoc-bai-hoc-cho-viet-nam.html>.

Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI. “Thay đổi tài khóa là bước ngoặt cho nền kinh tế Đức.” March 7, 2025. Truy cập tại: <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/29061-thay-doi-tai-khoa-la-buoc-ngoat-cho-nen-kinh-te-duc>.